

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025  
(Kèm Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của HĐND xã Yên Sơn)

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                      | Dự toán        | Quyết toán      | So sánh         |               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|---------------|
|     |                                                                                                                                                                                               |                |                 | Tuyệt đối       | Tương đối (%) |
| A   | B                                                                                                                                                                                             | 1              | 2               | 3=2-1           | 4=2/1         |
|     | TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG                                                                                                                                                                 | 19.974.500.000 | 131.037.344.069 | 111.062.844.069 | 656,02        |
| A   | CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)                                                                                                                                                |                |                 | -               |               |
| B   | CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC                                                                                                                                                            | 19.974.500.000 | 121.832.746.144 | 101.858.246.144 | 609,94        |
| I   | Chi đầu tư phát triển                                                                                                                                                                         | -              | -               | -               |               |
| 1   | Chi đầu tư cho các dự án                                                                                                                                                                      | -              |                 | -               |               |
|     | Trong đó: Chia theo lĩnh vực                                                                                                                                                                  |                |                 |                 |               |
| -   | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | -              | -               |                 |               |
| -   | Chi quốc phòng                                                                                                                                                                                | -              | -               |                 |               |
| -   | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                     | -              | -               |                 |               |
| -   | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước Đảng, đoàn thể                                                                                                                                 |                | -               |                 |               |
| -   | Chi đầu tư khác                                                                                                                                                                               | -              |                 |                 |               |
|     | Trong đó: Chia theo nguồn vốn                                                                                                                                                                 |                |                 |                 |               |
| -   | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất                                                                                                                                                      | -              |                 |                 |               |
| -   | Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết                                                                                                                                                      |                |                 |                 |               |
| 2   | Bổ sung chi đầu tư PT từ nguồn tăng thu                                                                                                                                                       | -              |                 |                 |               |
| 3   | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật |                | -               |                 |               |
| 4   | Chi đầu tư phát triển khác                                                                                                                                                                    | -              | -               |                 |               |
| II  | Chi thường xuyên                                                                                                                                                                              | 18.264.500.000 | 113.801.470.944 | 95.536.970.944  | 623,07        |
| -   | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 65.000.000     | 76.616.766.820  | 76.551.766.820  | 117.871,95    |
| -   | Chi quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                                            | 1.831.700.000  | 2.101.357.880   | 269.657.880     | 114,72        |
| -   | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                  |                | 800.390.838     | 800.390.838     |               |
| -   | Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                   | 44.000.000     | 183.626.073     | 139.626.073     | 417,33        |
| -   | Chi bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                         | -              |                 | -               |               |
| -   | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                     | 275.000.000    | 98.813.469      | (176.186.531)   | 35,93         |
| -   | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể                                                                                                                                    | 14.905.300.000 | 28.861.506.646  | 13.956.206.646  | 193,63        |
| -   | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                                                                                            | 1.143.500.000  | 5.139.009.218   | 3.995.509.218   | 449,41        |
| -   | Chi thường xuyên khác                                                                                                                                                                         |                |                 | -               |               |
| -   | Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất                                                                                                                                                        |                |                 | -               |               |
| III | Chi chương trình mục tiêu                                                                                                                                                                     | 1.350.000.000  | 7.477.895.200   | 6.127.895.200   | 553,92        |
|     | Vốn đầu tư                                                                                                                                                                                    | -              |                 | -               |               |
|     | Vốn sự nghiệp                                                                                                                                                                                 | 1.350.000.000  | 7.477.895.200   | 6.127.895.200   | 553,92        |
| IV  | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)                                                                                                                                    | -              | -               |                 |               |
| V   | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)                                                                                                                                                          | -              | -               |                 |               |
| VI  | Dự phòng ngân sách                                                                                                                                                                            | 360.000.000    | 553.380.000     | 193.380.000     | 153,72        |

| STT  | Nội dung                                          | Dự toán | Quyết toán    | So sánh       |               |
|------|---------------------------------------------------|---------|---------------|---------------|---------------|
|      |                                                   |         |               | Tuyệt đối     | Tương đối (%) |
| VII  | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương              | -       | -             | -             |               |
| VIII | Ghi chi ngân sách (nguồn viện trợ, nguồn học phí) |         |               | -             |               |
| C    | CHI NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỢP LÊN CẤP TRÊN           |         |               | -             |               |
| D    | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU                     |         | 9.204.597.925 | 9.204.597.925 |               |